

Bản án số: 570/2023/DS-PT

Ngày: 21-8-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Minh

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1239/2023/QĐ-PT ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Đặng Công D, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm B, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**2. Bị đơn:**

2.1 Bà Vương Trần Anh T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường P, Khóm A, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2.2 Bà Trần Thị P, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường P, Khóm A, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Số D, Q, khóm C, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Bà Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm B, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3.2 Bà Dương Thị Trúc L, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

3.3 Ông Đặng Công H1, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: A Hope Court fortune Place L, England.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Công H1: Ông Đặng Công D, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Số A, đường T, Khóm B, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

**4. Người kháng cáo:** Các bị đơn bà Vương Trần Anh T, bà Trần Thị P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyên đơn ông Đặng Công D trình bày: Ông và bà Trần Thị P là đồng nghiệp có quen biết nhau, vào đầu tháng 9/2016 giữa ông D, bà P, bà T có thỏa thuận miệng với nội dung ông D sẽ cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp tại thời điểm trả nợ, thời hạn vay từ vài tháng đến một năm và bà P sẽ đứng ra bảo lãnh cho bà T số tiền này. Khi cho vay ông D có đưa ra ý kiến là đến khi nào ông D cần thì sẽ đòi lại số tiền trên. Ngày 06/9/2016, ông D có chuyển vào tài khoản của bà T số tiền 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, khi cần tiền để sử dụng ông đòi thì bà P và bà T hẹn nhiều lần không trả nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V Trần Anh T và bà Trần Thị P trả lại cho ông số tiền vay là 100.000.000 đồng. Buộc bà T và bà P trả số tiền lãi phát sinh 1,16%/tháng từ ngày 06/9/2016 đến ngày trả xong số tiền 100.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị P trình bày: Bà T hoàn toàn không biết ông D là ai, bà T hoàn toàn không liên quan đến việc vay mượn này. Việc bà T nhận tiền của ông D là do ông Đặng Công H1 là bạn của bà P đang định cư tại A chuyển tiền về cho bà P để nhờ bà P chuyển giúp số tiền 100.000.000 đồng trên cho Dương Thị Trúc L đang điều trị tai nạn giao thông tại Bệnh viện Y. Do bà P không có sử dụng tài khoản ngân hàng nên có cho ông H1 số tài khoản ngân hàng của bà V Trần Anh T để ông H1 chuyển tiền. Tuy nhiên, ông H1 không có chuyển tiền về mà sau đó ông Đặng Công D (em của ông H1) đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công D thì bà P không đồng ý, vì bà chỉ là người nhận tiền từ ông H1 chuyển về và bà đã đưa số tiền trên cho bà Dương Thị Trúc L xong tại Bệnh viện Y, bà không có vay mượn tiền của ông D.

Bị đơn bà V Trần Anh T trình bày: Bà T và ông D hoàn toàn không có quen biết nhau. Bà T có nhận được số tiền 100.000.000 đồng là do bà P lấy số tài khoản của bà T để cho ông H1 chuyển tiền về nhờ bà P làm việc gì đó thì bà T không biết. Khi nhận được tiền thì bà T đã đưa số tiền này cho bà P. Bà T không có vay số tiền trên nhưng ông D đã đi đến cơ quan của bà T để đòi tiền

hành vi trên đã làm ảnh hưởng đến uy tín, công việc, cuộc sống hằng ngày của bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Trúc L trình bày: Bà P cho rằng sau khi bà P nhận được số tiền 100.000.000 đồng từ ông H1 gửi về để đưa cho bà L là không đúng vì thật sự ông D chuyển tiền cho bà T vào ngày 06/9/2016. Tuy nhiên, bà L điều trị bệnh tại Bệnh viện Y từ ngày 01/7/2016 đến ngày 02/9/2016 là ra viện, như vậy, việc bà P sau khi nhận được số tiền từ ông D chuyển sau đó chuyển cho bà L tại bệnh viện là không có cơ sở vì lúc này bà L đã xuất viện về điều trị bệnh tại gia đình ở xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Công H1 trình bày: Ông là anh ruột của ông Đặng Công D, vào đầu tháng 9/2016 bà P có điện cho ông H1 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng ông H1 từ chối và đề xuất bà P liên hệ ông Đặng Công D để vay mượn tiền. Ông H1 thống nhất với yêu cầu và ý kiến trình bày của ông Đặng Công D. Ngoài ra ông H1 còn có ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, ông H1 đồng ý ủy quyền cho ông Đặng Công D thay ông tham gia tố tụng, quyết định toàn bộ vấn đề liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc H trình bày: Bà và bà P là bạn và là đồng nghiệp, vào ngày 06/9/2016 bà có rút số tiền tiết kiệm của mình là 100.000.000 đồng để đưa cho chồng bà là ông D chuyển cho bà P thông qua số tài khoản ngân hàng của bà T. Bà H thống nhất với yêu cầu và ý kiến của ông Đặng Công D.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công D.

Buộc bà V Trần Anh T và bà Trần Thị P cùng liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông Đặng Công D và bà Dương Thị Ngọc H số tiền vốn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 47.885.000 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi mà bà T, bà P liên đới phải trả cho ông D và bà H là 147.885.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/7/2022, các bị đơn bà V Trần Anh T, bà Trần Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà V Trần Anh T trình bày: Bà không thừa nhận có mượn tiền của ông D, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông D xin lỗi bà T về việc ông D đến nơi bà T làm việc đòi nợ.

Bị đơn bà Trần Thị P trình bày: Ông H1 là người có liên quan tiền bạc với bà P nhưng vụ án lại do ông D kiện con gái của bà là Anh T là chưa đúng, vì sau này bà P cho rằng ông H1 lại kiện bà P đòi tiền trong vụ kiện khác. Trường hợp vụ án giữa bà và ông H1, nếu thua ông H1, bà sẽ chấp nhận trả lại tiền cho ông H1, Anh T bị kéo vào vụ kiện là oan ức. Ông H1 đã thừa nhận bà P và ông H1 có lẫn lẫn tiền bạc, chứ không liên quan ông D và Anh T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu Anh T có vay tiền ông D thì ông D chỉ được kiện Anh T, như vậy là có khuất tất. Bà P và ông D cách nhau 1 tuổi, Tòa cấp sơ thẩm chỉ miễn án phí cho ông D chứ không miễn cho bà P là không công bằng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Đặng Công D trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng thời đề nghị tính lãi cho đến khi kết thúc phiên tòa phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc H2, Dương Thị Trúc L không có ý kiến.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bảo đảm cho các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Xét phiếu chuyển tiền là chứng cứ phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, các bị đơn có kháng cáo nhưng không có gì chứng minh cho kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của các bị đơn bà V Trần Anh T, bà Trần Thị P trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

**[2] Xét kháng cáo của bị đơn:**

**[2.1]** Xét số tiền 100.000.000 đồng mà ông D đã chuyển vào số tài khoản của bà Vương Trần Anh T vào ngày 06/9/2016:

Bị đơn bà Trần Thị P cho rằng bà có nhận số tiền 100.000.000 đồng của ông D nhưng số tiền này không phải là bà vay của ông Đặng Công D mà là số tiền do ông Đặng Công H1 (anh của ông D) gửi cho bà để nhờ bà gửi tiền cho bà L lo chi phí điều trị bệnh.

Tuy nhiên qua xem xét lời khai của ông Đặng Công H1 đã được hợp pháp hóa lãnh sự thể hiện ông không có nhờ bà P gửi số tiền 100.000.000 đồng cho bà L, đồng thời xác định số tiền ông D chuyển cho bà T không liên quan gì đến ông H1; Bà Dương Thị Trúc L không thừa nhận có nhận khoản tiền nào từ bà P, bà T như bà P trình bày, thời gian bà L nằm viện điều trị và xuất viện cũng không phù hợp với thời điểm ông D chuyển tiền cho bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T, bà P có nhận 100.000.000 đồng là có thật nhưng bà P và bà T không chứng minh được đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng này cho bà L. Do vậy, giao dịch giữa các bên cần được xác định là hợp đồng vay tài sản, không có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay là một năm giữa ông Đặng Công D với bà V Trần Anh T và bà Trần Thị P, được hai bên tự nguyện thỏa thuận thực hiện. Do bà T, bà P không trả lại tiền theo yêu cầu của ông D nên được xem là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay tài sản. Từ đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công D buộc bà V Trần Anh T và bà Trần Thị P trả số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

**[2.2]** Xét yêu cầu tính lãi trên số tiền 100.000.000:

Xét thấy, Hợp đồng vay giữa ông Đặng Công D và bà V Trần Anh T, bà Trần Thị P là hợp đồng vay không có lãi. Sau khi hết thời hạn vay là một năm, do bà P và bà T chưa trả cho ông D số tiền nêu trên nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông D bị xâm phạm, do đó yêu cầu về tính lãi suất của ông D là có cơ sở để chấp nhận. Cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của ông D về thời hạn tính lãi trên số tiền 100.000.000 đồng được tính từ ngày 07/9/2017 (ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ông D bị xâm phạm) đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 năm 09 tháng 15 ngày x với lãi suất 10%/năm, số tiền lãi bằng 47.885.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn bà V Trần Anh T, bà Trần Thị P về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[3]** Về án phí dân sự: Bị đơn bà Trần Thị P cho rằng bà P là người cao tuổi nên yêu cầu được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, bà P chỉ có “Đơn xin miễn án phí” (Bút lục 257) tại giai đoạn kháng cáo bản án sơ thẩm nên cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản

3 Điều 15 của Nghị quyết số 326 để miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đối với bà P là đúng quy định.

- Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà P và bà T là đồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ và lãi cho ông D nên buộc bà P và bà T cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bà P sinh năm 1957 là người cao tuổi nên cần thiết áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm đối với bà P để bảo đảm quyền lợi cho đương sự là người cao tuổi. Do đó, về án phí dân sự sơ thẩm chỉ buộc bà V Trần Anh T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.394.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí. Như đã nhận định, do bà P là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Bà Vương Trần Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà Vương Trần Anh T, bà Trần Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 21/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công D.

Buộc bà V Trần Anh T và bà Trần Thị P cùng liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông Đặng Công D và bà Dương Thị Ngọc H số tiền vốn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 47.885.000 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi mà bà T, bà P liên đới phải trả cho ông D và bà H là 147.885.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị P được miễn nộp.

- Buộc bà V Trần Anh T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.394.000 đồng.

## 2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trần Thị P được miễn nộp.

- Buộc bà V Trần Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012852 ngày 02/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Bà T đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự (6);
- Lưu HS (2), VP(5) (18b). (LTTT).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đắc Minh**